

Số: 632 /NĐCP-KHĐTVT
V/v: Thư mời chào giá lập dự toán vật tư

Cẩm Phả, ngày 17 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư phụ và các vật tư khác có liên quan.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng:
- Số hiệu đơn hàng: 112/ĐH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Theo bảng kê chi tiết đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy.

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của NCC

- Đơn vị tham gia chào giá cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp (bản công chứng); Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

b. Yêu cầu về thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.
- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.
- Thời gian dự kiến giao hàng: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.
- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

c. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng.

+ Với các mục hàng nhập khẩu: Cấp CO, CQ/COA (CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam

Với các mục hàng sản xuất trong nước; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng; COA: Giấy chứng nhận thành phần);

+ Với các mục hàng xuất xứ Việt Nam: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Riêng các mục hàng có giá trị sau thuế từ 50 triệu đồng/ đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên yêu cầu cấp CQ của nhà sản xuất.

Yêu cầu cấp bản gốc hoặc bản công chứng các giấy tờ trên – Cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt . Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc kèm theo các chứng từ trên.

- Mục số 17÷52 cấp giấy kiểm định
- Hàng hóa được sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.
- Nhà cung cấp có thể chào giá theo mã yêu cầu hoặc hàng tương đương (đính kèm tài liệu kỹ thuật hàng tương đương, Văn bản xác nhận tương đương của hãng sản xuất,).

Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp tài liệu bao gồm:

+ *Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;*

+ *Văn bản của nhà sản xuất (Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật);*

+ *Bảng so sánh thông số kỹ thuật.*

Trường hợp Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu khác của nhà sản xuất do nhà thầu cung cấp không được viết bằng tiếng Việt thì nhà thầu phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực. Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng việt mà không gửi kèm dịch sang tiếng Việt thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật)

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm)

- Hình thức nộp Hồ sơ chào giá: Báo giá được đóng trong phong bì kín có niêm phong của nhà cung cấp, bên ngoài phong bì ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số ...632.../NĐCP-KHĐTVT ngày 17/07/2024**, được gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.
- Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 02033 734 900
- Cán bộ phụ trách: Đinh Thị Phong Lan; Điện thoại: 0775346899

2. Thời gian chào giá.

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 09.. giờ 30..' ngày 23.../07.. /2024.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, PTT(1).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hoàng Lân



Bảng kê chi tiết đơn hàng

(Đính kèm thư mời chào giá số 632/NĐCP-KHĐTVT ngày 17 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Băng keo chống thấm siêu dính	X2000 khổ 10cmx5cm		Cuộn	20	
2.	Băng keo chống thấm siêu dính	X2000 khổ 20cmx5cm		Cuộn	10	
3.	Bảng thông báo tin kính lửa treo tường- kiểu mã : BTT - 1TT-2	Kích thước bảng : Chiều dài 1200mm; Chiều rộng 100mm; Chiều cao 800mm; Mặt bảng có thể tùy chọn: Bảng ghim: bảng ghim ni ; màu sắc xanh nước biển; tấm lót bảng thông tin cửa kính: Được làm bằng ván MDF chống ẩm, chống cong. Mặt kính: Mặt kính 5mm, mài xiết cạnh, trượt trên hệ bánh xe chuyên dụng cửa kính có gắn khóa an toàn : Khóa kính loại khóa kéo		Cái	9	
4.	Bu lông inox 316L	M16x80		Bộ	128	
5.	Búa tay	5 kg		Cái	5	
6.	Bu lông	M16x60 (5.8)		Bộ	160	
7.	Bu lông	SUS304 M16x70		Bộ	20	
8.	Bu lông	SUS304 M12x150		Bộ	8	
9.	Bu lông	M12x1,5 có bản vẽ kèm theo L=130 ren 2/3 đầu bu lông khoan lỗ chốt hãm Φ3, cấp bền 4.8		Bộ	50	
10.	Chỗ bơm	DN25 PN10		Cái	2	
11.	Cụm van áp suất tối thiểu	A11513474 (mã 100014900)		Cụm	1	
12.	Cút nối thẳng hai đầu ren trong Inox	chân ren 19mm		Cái	50	
13.	Cút nối thẳng hai đầu ren trong Inox	chân ren 19mm		Cái	30	
14.	Cút nối thẳng hai đầu ren trong Inox	Φ34 mm		Cái	2	
15.	Dây Curoa	SPB2650		Sợi	5	
16.	Dây Curoa	BX122		Sợi	20	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
17.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	2	
18.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất hơi)	Dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	3	
19.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 63mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 13mm, chân ren: 1/4” BSP		Cái	4	
20.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷0.6 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	5	
21.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất hơi)	Dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	4	
22.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất nước)	Dải đo: 0÷1.6 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	12	
23.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷1.6 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	5	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
24.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷2.5 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	3	
25.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất hơi)	Dải đo: 0÷6 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	2	
26.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷25 MPa; Đường kính mặt 63mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 13mm, chân ren: 1/4” BSP		Cái	6	
27.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất nước)	Dải đo: 0÷40 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	1	
28.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất hơi)	Dải đo: 0÷40 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	1	
29.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất khí)	Dải đo: 0÷0,1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	1	
30.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷0,6 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	3	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
31.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất khí)	Dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP; Số lượng: 27 cái.		Cái	27	
32.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất khí)	Dải đo: 0÷2 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP; Số lượng: 08 cái.		Cái	8	
33.	Đồng hồ đo nhiệt độ (môi chất dầu)	WSS-411 loại xuyên tâm; dải đo từ 0-100°C; Đường kính mặt 100mm; ren M27x2; đường kính đầu đo nhiệt độ 10mm; chiều dài chân đo nhiệt độ 100mm; vật liệu thép không gỉ; IP55		Cái	2	
34.	Đồng hồ đo nhiệt độ (môi chất dầu)	WSS-411 loại xuyên tâm; dải đo từ 0-100°C; Đường kính mặt 100mm; ren M27x2; đường kính đầu đo nhiệt độ 10mm; chiều dài chân đo nhiệt độ 150mm; vật liệu thép không gỉ; IP55		Cái	8	
35.	Cút nối thẳng hai đầu ren trong Inox	chân ren 19mm		Cái	50	
36.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất nước)	Dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	3	
37.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất khí)	Dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	2	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
38.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	1	
39.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất khí)	Dải đo: 0÷1.6 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	1	
40.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất khí)	Dải đo: 0÷6 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 17mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	1	
41.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất nước)	Dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	12	
42.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷4 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	2	
43.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷2.5 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	2	
44.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất hóa chất)	Dải đo: 0÷2.5 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	3	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
45.	Đồng hồ đo áp lực có màng dầu	Dải đo: 0÷1MPa; Đường kính mặt 63mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	5	
46.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất nước)	Dải đo: 0÷2MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	1	
47.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất nước)	Dải đo: 0÷10MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	1	
48.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất nước)	Dải đo: 0÷2.5 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	2	
49.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất khí)	Dải đo: 0÷0,1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	3	
50.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất dầu)	Dải đo: 0÷0,6 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	5	
51.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất khí)	Dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8” BSP		Cái	12	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
52.	Đồng hồ đo áp lực (môi chất khí)	Dải đo: 0÷2 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8" BSP		Cái	8	
53.	Giẻ lau			kg	10	
54.	Giảm chấn cao su đúc 6 múi	D107xd52xcao 25		Cái	1	
55.	Hộp xịt RP7	300g		Hộp	6	
56.	Khung ảnh cho khổ giấy A0 (khung ảnh bản cam kết về AT-VSLĐ-PCCC 2024)	Khung nhôm kính vân gỗ, mặt kính Mica KT: 850x1200mm		Cái	1	
57.	Lọc gió xe gạt	Lọc ngoài 360x170x420 lọc trong 160x360 lỗ giữa phi 15		Bộ	1	
58.	Mặt bích rồng	Inox D90		Cái	2	
59.	Mũ BHLĐ	In logo công ty theo mẫu		Cái	15	
60.	Mặt bích đầu hút (có van bi 1 chiều) của bơm định lượng	Pulsafeeder/DM7D3PP-90IEC		Cái	1	
61.	Ống nhựa mềm lõi thép phi 76	Daayd 5mm (30m/cuộn)		m	60	
62.	Phin lọc dầu	A004425274		Cái	4	
63.	Phin lọc gió đầu vào máy nén	100002188		Cái	6	
64.	Phin lọc thô nhiên liệu xe gạt	61500080078B		Cái	1	
65.	Phin lọc tinh nhiên liệu xe gạt	614080739A		Cái	2	
66.	Quần áo mưa			Bộ	7	
67.	Quạt ly tâm 5,5kw	Model: GCK-5A; phần động cơ: Công suất 5,5Kw; 11a; 380v; 2900V/ph; phần quạt : lưu lượng gió:6000m3/h; Áp lực gió:2014Pa		Cái	1	
68.	Thang chữa cháy	Dài 3m		Cái	10	
69.	Tụ điện	10μF 450V		Cái	1	
70.	Xà phòng bột			kg	120	

Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá rút gọn
(Đính kèm Thư mời chào giá số 632./NĐCP-KHĐTVT ngày 17 / 01 /2024)

STT	Các tiêu chí đánh giá			Ghi chú
	Nội dung	Yêu cầu	Kết luận	
1	Tên vật tư, quy cách và tính hợp lệ của hàng hóa tương đương	- Đáp ứng đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật - Tài liệu kỹ thuật hàng tương đương/ thay thế; Văn bản xác nhận tương đương của hãng sản xuất; Bảng so sánh thông số kỹ thuật nếu chào giá bằng hàng tương đương/ thay thế -	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
2	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Bản sao được chứng thực	Đạt	
		Bản photocopy không có chứng thực	Không đạt	
3	Thư chào hàng và biểu giá chào hàng	- Do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký - Chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời	Đạt	
		- Không do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký - Không chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời	Không đạt	
4	Hiệu lực của Bản chào giá	≥ 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
5	Thời gian thanh toán	- Thanh toán trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A ; Hoặc theo hợp đồng được thỏa thuận và ký kết giữa hai bên - Không tạm ứng hợp đồng	Đạt	
		Tạm ứng hợp đồng hoặc không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
6	Thời gian giao hàng (tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Trong vòng 20 ngày	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
7	Địa điểm giao hàng	Tại kho vật tư bên mua	Đạt	
		Không giao hàng tại kho bên mua	Không đạt	

1034-
PHẢ
NH
EN LỤC
ANG

STT	Các tiêu chí đánh giá			Ghi chú
	Nội dung	Yêu cầu	Kết luận	
8	Năm sản xuất hàng hóa	Sản xuất năm 2023 trở lại đây	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
9	Chứng từ thanh toán kèm theo	- Với hàng hóa nhập khẩu: Cung cấp CO, CQ/COA bản công chứng dịch thuật tiếng Việt (CO do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam) hoặc thư bảo đảm của nhà phân phối chính hãng. Cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt . - Với hàng hóa sản xuất trong nước: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa, riêng các mục hàng có giá trị sau thuế từ 50 triệu trở lên yêu cầu cấp CQ của nhà sản xuất Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc. - Giấy phép bán hàng/ Giấy ủy quyền bán hàng	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	

BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)

Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Kính gửi: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực – CTCP

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá (TMCG) số hiệu mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,.....(Ghi tên Nhà cung cấp), cam kết thực hiện đơn hàng (Ghi tên và số hiệu đơn hàng) theo đúng yêu cầu của TMCG với tổng số tiền là (Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền) cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng(Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của TMCG).

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các quy định trong TMCG số(Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá).
4. Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gianngày (Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu), kể từ ngày(Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)

Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quý cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)	Ghi chú
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá (ghi đầy đủ hãng/ nước sản xuất)				8%	10%		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Hàng hóa thứ nhất.												
2	Hàng hóa thứ nhất.												
n	Hàng hóa thứ n												
		Tổng giá trị											

1. Giao hàng:

a) Thời gian giao hàng:

b) Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:.....

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Hàng hóa được sản xuất năm (trở lại đây)

- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).

4. Bảo hành (nếu có):

5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT bằng tiền VNĐ ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa)